

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /2015/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 17 tháng 6 năm 2015

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG VĂN BẢN quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất
đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Giữ C uyay 23/6

Kính chuyển: Pháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: S
	Ngày: <u>23/6</u>

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 335/TTr-STNMT ngày 03 tháng 6 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; hạn mức giao đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai.
2. Hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng đất.
3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Điều 3. Hạn mức giao đất ở

1. Hạn mức giao đất ở tại nông thôn cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở không quá 300 m² (ba trăm mét vuông).
2. Hạn mức giao đất ở tại đô thị cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để giao đất theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở không quá 200 m² (hai trăm mét vuông).

Điều 4. Hạn mức công nhận đất ở

1. Hạn mức công nhận đất ở đối với khu vực nông thôn cho mỗi hộ gia đình không quá 400 m² (bốn trăm mét vuông).

2. Hạn mức công nhận đất ở đối với khu vực đô thị cho mỗi hộ gia đình không quá 300 m² (ba trăm mét vuông).

3. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì công nhận theo hạn mức tương ứng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này cho từng hộ gia đình.

Điều 5. Hạn mức giao đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng

Hạn mức giao đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho mỗi hộ gia đình, cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để nuôi trồng thủy sản không quá 1.000 m².

Điều 6. Hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang

Hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang không quá 03 (ba) héc ta.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện; phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương liên quan theo dõi, kiểm tra việc áp dụng Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 39/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở tại nông thôn và đô thị đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- Như Điều 8 của Quyết định;
- Chính phủ;
- Bộ TN&MT;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh KG;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KTCN;
- Lưu: VT, dttnh (1b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT CHỦ TỊCH
ĐẠI CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nghị